

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ VĨNH CHÂU
TỈNH SÓC TRĂNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 39/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 31 - 3 - 2025

*“V/v Yêu cầu tuyên bố không
công nhận quan hệ vợ chồng”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ VĨNH CHÂU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Hiếu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Huỳnh Hoa;
2. Ông Thái Trung Nghĩa.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Hưng, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu.

Trong ngày 31 tháng 3 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 32/2025/TLST-HNGĐ, ngày 17 tháng 01 năm 2025, về việc "Yêu cầu tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 02 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 18/2025/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 3 năm 2025, giữa các đương sự:

** Nguyên đơn:* Bà Thạch Thị Ngọc T, sinh năm 1977.

Địa chỉ: ấp V, xã L, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng.

** Bị đơn:* Ông Trần Văn Th, sinh năm 1971.

Địa chỉ: ấp H, xã L, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng.

(Nguyên đơn có đơn xin vắng mặt; bị đơn vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 14/01/2025 và đơn xin giải quyết vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn Thạch Thị Ngọc T trình bày: Bà Thạch Thị Ngọc T và ông Trần Văn Th tự nguyện sống chung với nhau từ năm 2000 nhưng không có đăng ký kết hôn. Trong thời gian sống chung, bà T và ông Th có 02 (hai) người con chung là Trần Vũ Ph (nam) sinh ngày 07/3/2002 và Trần Văn Ph1 (nam) sinh ngày 11/3/2005. Thời gian đầu, cuộc chung sống hạnh phúc nhưng dần dần phát sinh mâu thuẫn, thường tranh chấp cãi vã nên tuy sống chung không hạnh phúc, bà T và ông Th không còn sống chung từ tháng 6/2021 cho đến nay.

Nay, nhận thấy tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng không còn thương yêu nhau nữa. Nay bà T yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về hôn nhân: Bà Thạch Thị Ngọc T yêu cầu Tòa án tuyên bố quan hệ sống chung giữa bà với ông Trần Văn Th không phải là quan hệ vợ chồng.

- Về con chung: 02 con chung là Trần Vũ Ph (nam) sinh ngày 07/3/2002 và Trần Văn Ph1 (nam) sinh ngày 11/3/2005 đã thành niên, tự lao động được nuôi sống bản thân nên bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Tài sản chung và nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn ông Trần Văn Th : Dù được tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, tại Thông báo thể hiện đầy đủ những tình tiết, sự kiện, tài liệu, yêu cầu khởi kiện của bà T nhưng ông Th không phản đối, không có văn bản trình bày ý kiến và nguyện vọng của mình. Đồng thời, ông Th cũng vắng mặt không có lý do trong các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Tòa án đã thông báo kết quả phiên họp trên cho ông Th và đưa vụ án ra xét xử. Phiên tòa ngày 14/3/2025, bị đơn Th vẫn vắng mặt và không giao nộp tài liệu, chứng cứ gì nên Hội đồng xét xử quyết định hoãn phiên tòa, tiếp tục đưa vụ án ra xét xử theo luật định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Bà Thạch Thị Ngọc T khởi kiện, yêu cầu tuyên bố không công nhận quan hệ sống chung giữa bà T với ông Trần Văn Th là vợ chồng. Yêu cầu của bà Tuyết được pháp luật điều chỉnh tại Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 (sau đây gọi là Luật hôn nhân và gia đình) thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn Trần Văn Th đã được triệu tập hợp lệ hai lần tham gia phiên tòa, đều vắng mặt không có lý do nên phải chịu hậu quả pháp lý về việc vắng mặt của mình. Tại đơn xin vắng mặt, nguyên đơn có trình bày rõ các yêu cầu của mình và Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm a và điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về nội dung giải quyết:

Căn cứ lời trình bày của nguyên đơn tại các đơn khởi kiện, đơn đề nghị giải quyết vắng mặt, giấy khai sinh của con cũng như việc không phản đối của ông Th ; đối chiếu với quy định tại điểm c khoản 1 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử khẳng định lời trình bày của của bà T về việc bà T và ông Th chung sống với nhau như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn và đã có hai con chung là cháu Trần Vũ Ph (nam) sinh ngày 07/3/2002 và Trần Văn Ph1 (nam) sinh ngày 11/3/2005 là sự thật. Tại khoản 1 Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch. Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý”. Như vậy, hôn nhân giữa bà Thạch Thị Ngọc T và ông Trần Văn Th không được pháp luật công nhận là vợ chồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại đơn xin giải quyết vắng mặt, bà T vẫn giữ nguyên yêu cầu tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng với ông Trần Văn Th . Hội đồng xét xử thống nhất áp dụng Khoản 1 Điều 9, Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, tuyên bố không công nhận quan hệ chung sống giữa bà Thạch Thị Ngọc T và ông Trần Văn Th là vợ chồng.

Về con chung: Hai con chung là cháu Trần Vũ Ph (nam) sinh ngày 07/3/2002 và Trần Văn Ph1 (nam) sinh ngày 11/3/2005 hiện đã thành niên, lao động tự nuôi sống được bản thân, các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

Về tài sản và nợ chung: Bà Thạch Thị Ngọc T khẳng định tài sản chung và nợ chung không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3] Về án phí sơ thẩm: Bà Thạch Thị Ngọc T phải chịu là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), theo điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Khóa XIV, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 và khoản 2 Điều 143, khoản 1 Điều 144, khoản 4 Điều 147, điểm a và điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14 và Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Khóa XIV.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố quan hệ sống chung giữa bà Thạch Thị Ngọc T và ông Trần Văn Th không phải là quan hệ vợ chồng.

2. Về con chung: Hai con chung là cháu Trần Vũ Ph (nam) sinh ngày 07/3/2002 và Trần Văn Ph1 (nam) sinh ngày 11/3/2005 hiện đã thành niên, lao động tự nuôi sống được bản thân, nguyên đơn không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Thạch Thị Ngọc T khẳng định tài sản chung và nợ chung không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

5. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Thạch Thị Ngọc T phải chịu là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0006305 ngày 14/01/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Vĩnh Châu, bà T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Thạch Thị Ngọc T và ông Trần Văn Th có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết hợp lệ, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2014.

Nơi nhận:

- VKSND thị xã Vĩnh Châu;
- Chi cục THADS thị xã Vĩnh Châu;
- Phòng KTNV&THA TAND tỉnh ST;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Thị Hiếu